

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 201/2023/DS-ST

Ngày: 21 – 9 – 2023

V/v Tranh chấp Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Vinh Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Sơn;

Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Trung-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Quách Thị Đào-Kiểm Sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2023/TLST-DS, ngày 05 tháng 5 năm 2023, về tranh chấp Hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/2023/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 338/2023/QĐST-DS, ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Kiều T, sinh năm 1970.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1987, địa chỉ: Số N, Khu dân cư E, Khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn C và bà Lê Thị H.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Thanh H1 (Trần Văn T2), sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1982.

Tất cả cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo Đơn khởi kiện ngày 15/3/2023, và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án.*

*-Nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều T trình bày:*

Ông Trần Văn C và bà Lê Thị H làm chủ hụi, bà là hụi viên, có tham gia đây hụi mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 02/7/2017 âm lịch, gồm có 16 phần, bà

tham gia 01 phần, đóng hội sống được 12 lần với số tiền 60.000.000 đồng, thì bà H, ông C bị bể hội (tháng 12/2021), không khui nữa.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn C và bà Lê Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền hội 60.000.000 đồng.

- *Bị đơn bà Lê Thị H trình bày:* Bà và ông Trần Văn C đã tuyên bố trong gia đình từ năm 2016 trở đi sẽ giao hội lại cho con trai và con dâu là ông Trần Thanh H1 và bà Nguyễn Thị H2 (H3). Do đó, số tiền hội của nguyên đơn bà không biết và cũng không còn liên quan đến vợ chồng bà. Bà cũng có tuyên bố với một số hội viên như vậy, nhưng lâu quá nên bà không nhớ đã tuyên bố với hội viên nào, có tuyên bố cho bà T biết hay không.

Từ năm 2016 đến nay, con trai và con dâu của bà là ông H1, bà H2 có mượn nhà bà khui hội, nhưng bà và ông C hoàn toàn không có tham gia, cũng không có thu, gom tiền hội của ai.

*\*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn và đương sự vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

#### **- Về tố tụng**

[1] Tại phiên tòa, đương sự là các ông, bà Nguyễn Thị H4, Trần Văn C, ông Trần Thanh H1 và bà Nguyễn Thị H2 đều vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền hội góp vào 40.000.000 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận và giao kết hợp đồng góp hội với nhau, theo Dây hội mà nguyên đơn đã trình bày, trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là

người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Dây hụi bị bể vào tháng 12/2021 (đến lần khai thứ 13), nguyên đơn đã đóng hụi cho bị đơn được 12 lần, với số tiền góp vào 40.000.000 đồng, đây là những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn bà H4 cho rằng: Từ năm 2016, vợ chồng bà đã chuyển giao nghĩa vụ của chủ hụi cho ông Trần Thanh H1 và bà Nguyễn Thị H2 (con trai và con dâu) và không còn liên quan gì. Ngược lại, nguyên đơn không đồng ý, mà vẫn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền nợ hụi.

[5] Tại Điều 370 và 373 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Chuyển giao nghĩa vụ và Hoàn thành nghĩa vụ:

*“1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, ...; “Nghĩa vụ được hoàn thành khi bên có nghĩa vụ đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hoặc thực hiện một phần nghĩa vụ nhưng phần còn lại được bên có quyền cho miễn thực hiện”.*

[6] Tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật này quy định trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”.* Tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật này quy định Hộ, hụi, biếu, phường: *“Hộ, hụi, biếu, phường (sau đây gọi chung là hộ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh hộ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên”.*

[7] Như vậy, có căn cứ xác định, nguyên đơn và bị đơn có tham gia chơi hụi với nhau, đến lần khai hụi thứ 13 thì hụi bể, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hụi 40.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 166, 351, 357 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà H4, ông C phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ 40.000.000 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

-Bị đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận, vì phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 166, 351, 357, 370, 373 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường. Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kiều T, buộc bà Lê Thị H và ông Trần Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ hộ 4.000.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn không phải chịu do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Bà T không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.625.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007104, ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Vinh Thắng**